

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HC-PT

Ngày: 09/5/2019

V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý thuế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Nguyễn Tấn Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 77/2019/TLPT-HC ngày 18 tháng 01 năm 2019, về “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 286/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

****Người khởi kiện:*** Bà Cao Thị H; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Văn L; Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**** Người bị kiện:***

+ Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: 12 đường L1, Thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chi cục trưởng Chi Cục thuế huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

+ Chi Cục thuế huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo pháp luật là ông Lê Xuân B; có mặt.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Công ty TNHH Cà phê H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Đan Q; địa chỉ: Cụm Công nghiệp T2, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Người khởi kiện bà Cao Thị H - Người đại diện theo uỷ quyền ông Mai Văn L trình bày:***

Vào tháng 01 năm 2013 bà H có ký hợp đồng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P (Công ty P) do bà Phan Thị C1 làm giám đốc để thu mua cà phê của Công ty. Tại hợp đồng số: 21 ngày 09 tháng 01 năm 2013; số 29 ngày 10 tháng 01 năm 2013, số 29 ngày 11 tháng 01 năm 2013; số 35 ngày 12 tháng 01 năm 2013 mua cà phê với MST: 600134974. Địa Chỉ: Thôn T3, Xã E1, Thành phố B1. Hai bên đã thanh lý hợp đồng trong đó có tiền hàng và tiền thuế GTGT kết thúc ngày 26 tháng 02 năm 2013, hoá đơn giá trị gia tăng mà Công ty P xuất cho bà H ngày 12, 13, 14, 15 tháng 01 năm 2013 (hóa đơn ký hiệu NG/12P số 0000651 ngày 12/01/2013; NG/12P số: 0000654 ngày 13/01/2013; NG/12P số: 0000655 ngày 14/01/2013; NG/12P số: 0000656 ngày 15/01/2013) bà H đã thanh toán cho Công ty P tổng số tiền 18.120.195.520 đồng vào ngày 25/02/2013 (có chứng từ giao dịch giấy nộp tiền tại Ngân hàng VietComBank) số hàng bà H mua được của Công ty P, bà H bán lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn cà phê H (Công ty H) tại Cụm Công nghiệp T2, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 19/02/2013, bà H đã làm “Tờ khai thuế giá trị gia tăng” đối với số tiền trong các hóa đơn giá trị gia tăng, lần này bị do kê khai bị sai nên đến ngày 22 tháng 03 năm 2013, bà H có làm thủ tục khấu trừ thuế GTGT tháng 01/2013 và bổ sung điều chỉnh thuế tại Chi cục thuế huyện C. Thì Chi cục thuế huyện C không chấp nhận cho bà H được khấu trừ thuế mà buộc bà H phải kê khai lại và bắt buộc nộp số tiền 868.512.377 đồng và phạt nộp chậm là 16.931.999 đồng. Do sợ bị đình chỉ ngừng hoạt động buôn bán nên bà H đã phải nộp số tiền này tại Kho bạc Nhà nước huyện C vào các ngày 24/4/2013 và ngày 25/4/2013.

Thông báo số: 86/TB-CCT ngày 26/2/2013 của Chi cục thuế huyện C “Thông báo về việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào” trên cơ sở căn cứ vào Thông báo số: 231/TB-CCT ngày 02/02/2013 của Chi cục thuế Thành phố B1 về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh mang theo hóa đơn. Sự việc bà C1 đại diện cho Công ty P bỏ đi khỏi địa phương thì bà H không biết nên bà H đã chuyển tiền hàng và thuế trả cho bà C1 vào 25/02/2013 không thuộc lỗi bà H. Do không hiểu pháp luật, khi bà H nhận được hướng dẫn số: 11797/BTC- TCT ngày 22/8/2014 về việc hướng dẫn và bổ sung nội dung công văn số: 1752/BTC- TCT của Bộ Tài chính. Do vậy, đến ngày 19/12/2015 bà H làm đơn khiếu nại lên Chi thuế huyện C yêu cầu giải quyết hoàn tiền thuế giá trị gia tăng đã nộp ngày 24/4/2013 và ngày 25/4/2013.

Đến ngày 08/9/2014, bà H đã làm đơn khiếu nại, đến ngày 05/11/2014 Chi cục thuế

huyện C ban hành thông báo số: 383/TB-CCT về việc đơn khiếu nại của bà H đã hết thời hiệu nên không giải quyết khiếu nại cho bà H. Bà H khiếu nại tiếp, Chi cục thuế huyện C ban hành thông báo số: 293/TB-CCT ngày 10/10/2016 về việc đơn khiếu nại của bà H đã hết thời hiệu nên không giải quyết khiếu nại cho bà H.

Ngày 19/10/2016, bà H đã làm đơn khiếu nại tiếp, tại quyết định số: 225/QĐ-CCT ngày 29/11/2016 của Chi cục trưởng - Chi cục thuế huyện C giải quyết khiếu nại lần đầu “Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Cao Thị H”.

Ngày 15/12/2016 bà H lại làm đơn khiếu nại, ngày 28/3/2017 Cục trưởng - Cục thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 312/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị H, địa chỉ thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Do không chấp nhận quyết định số: 225/QĐ-CCT ngày 29/11/2016 của Chi cục trưởng - Chi cục thuế huyện C giải quyết khiếu nại lần đầu “Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Cao Thị H”. Và Quyết định số: 312/QĐ-CT ngày 28/3/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk giải quyết khiếu nại lần 2 “Không công nhận đơn khiếu nại ký ngày 15/12/2016 của hộ kinh doanh bà Cao Thị H”

Do vậy, bà H làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nội dung cụ thể:

- Hủy Thông báo số: 86/TB-CCT ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chi cục thuế huyện C, vì không có căn cứ.

- Hủy thông báo số: 293/TB - CCT ngày 10/10/2016 của Chi cục thuế huyện C.

- Hủy quyết định số: 225/QĐ - CCT ngày 29/11/2016 của Chi cục trưởng Chi Cục Thuế Huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị H (Lần đầu).

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 312/QĐ-CT của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị H (Lần 2).

Buộc Chi cục thuế huyện C thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT cho bà H liên quan đến các hóa đơn NG/12P số 0000651 ngày 12/01/2013; NG/12P số: 0000654 ngày 13/01/2013; NG/12P số: 0000655 ngày 14/01/2013; NG/12P số: 0000656 ngày 15/01/2013 đã mua bán với Công ty P. Chi cục thuế huyện C phải hoàn trả cho bà H số tiền 867.512.377 đồng (nộp vào ngày 24/4/2013 là 400.000.000 đồng và ngày 25/4/2013 là 467.512.377 đồng) + tiền phạt nộp chậm 16.931.999 đồng.

*** Người bị kiện:**

+ **Chi cục trưởng - Chi cục thuế huyện C - Người đại diện theo pháp luật Quyền Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện C là ông Lê Xuân B, trình bày:**

1. Đối với việc ban hành Thông báo số: 86/TB-CCT ngày 26/2/2013 về việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào: Thực hiện quy trình kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, Chi cục Thuế huyện C ban hành thông báo trên là đúng quy định của Luật Quản lý thuế, Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Người kê khai thuế có quyền lựa chọn kê khai lại hay không, trong trường hợp này hộ bà H đã tự nguyện kê khai thuế lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Cao Thị H khiếu nại nhiều lần, do hết thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9; khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại số: 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 nên Chi cục thuế huyện C không giải quyết khiếu nại thông báo số: 86/TB-CCT ngày 26/2/2013 cho bà H là đúng quy định của pháp luật. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Chi cục thuế huyện C, tôi không đồng ý với yêu cầu của hộ kinh doanh bà Cao Thị H đã nêu ở trên.

2. Đối với thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại số: 293/QĐ-CCT ngày 10-10-2016 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện C. Sau khi nhận được thông báo về việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào số: 86/TB-CCT ngày 26-2-2013 của Chi cục thuế huyện C, bà H đã tự kê khai lại thuế. Đến ngày 27/9/2016 Chi cục thuế huyện C nhận được đơn khiếu nại của bà H khiếu nại các nội dung:

- Đề nghị bà H phải kê khai lại hồ sơ thuế và phải nộp số tiền 868.512.377 đồng, cộng số tiền phạt nộp chậm là 16.431.999 đồng, mặc dù bà H đã trình bày với Chi cục Thuế huyện C và Công an điều tra huyện C đầy đủ chứng từ chứng minh việc mua bán là hợp pháp - Bà H đã làm tờ cam kết trình Chi cục Thuế huyện C và trong các biên bản làm việc bà H đã yêu cầu không tính phạt nộp chậm theo tinh thần công văn số 11797/BTC-TCT.

Sau khi Chi cục thuế ban hành thông báo số: 383/TB-CCT ngày 05/11/2014 về việc không giải quyết khiếu nại của bà H, bà H tiếp tục làm đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết các nội dung: Chi cục yêu cầu bà H kê khai lại thuế theo thông báo số 86, tính phạt chậm nộp khoản thuế giá trị gia tăng không đúng với tinh thần công văn 11797, cưỡng chế tiền thuế GTGT còn nợ qua bên thứ ba. Chi cục thuế đã thụ lý khiếu nại và giải quyết theo quy định.

Sau khi bà H nhận được thông báo số: 293/TB-CCT ngày 10/10/2016, bà H lại khiếu nại tiếp, Chi cục thuế huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 225/QĐ-CCT ngày 29-11-2016.

Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành được thực hiện theo quy định từ Điều 27 đến Điều 34 mục 2 chương III Luật khiếu nại số 02/2011/QH 13, ngày 11/11/2011 của Quốc Hội.

Về căn cứ pháp lý Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH13 ngày 03/6/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của chính phủ; khoản 4, 7, Điều 3, Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Căn cứ Thông báo số 231/TB-CCT ngày 02/02/2013 của Chi cục Thuế Thành phố B1, về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa điểm kinh doanh mang theo hoá đơn; Căn cứ khoản 3, Công văn số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 về việc hướng dẫn và bổ sung nội dung công văn 1752/BTC-BTC; Tại Quyết định số 1262/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, ngày 03/7/2015. Căn cứ Điều 9 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13

ngày 11/11/2011; Việc Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 225/QĐ-CCT ngày 29-11-2016 là đúng pháp luật.

3. Đối với yêu cầu Chi cục thuế huyện C thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT cho bà H liên quan đến các hóa đơn NG/12P số 0000651 ngày 12-01-2013; NG/12P số 0000654 ngày 13-01-2013; NG/12P số 0000655 ngày 14-01-2013; NG/12P số 0000656 ngày 15-01-2013 đã mua bán với Công ty P.

Ngày 02/02/2013 Chi cục Thuế thành phố B1 ban hành Thông báo số 231/TB-CCT và đã công bố trên trang cổng thông tin điện tử tại địa chỉ <http://www.tracuuhoadon.gdt.gov.vn> của Tổng cục Thuế.

Ngày 25/02/2013 và 26/02/2013 Bà H có chứng từ ủy nhiệm chi Chuyển tiền từ tài khoản số 0231000570621 mở tại phòng giao dịch Hùng Vương Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (Vietcombank Đắk Lắk) vào tài khoản số 0231000566966 mở tại Vietcombank Đắk Lắk của Công ty P. Tuy nhiên, giữa Công ty P và bà Cao Thị H thì, tài khoản dùng giao dịch của 2 bên đều mở tại Ngân hàng Eximbank chi nhánh Đắk Lắk, số tài khoản của Công ty P: 120114851005024, số tài khoản của bà H: 120114851001792. Như vậy, số tài khoản bà H dùng để chuyển tiền và số tài khoản nhận tiền không trùng khớp với số tài khoản trong hợp đồng giữa bà H và Công ty P (hai bên không có phụ lục hợp đồng điều chỉnh số tài khoản trong hợp đồng).

4. Đối với yêu cầu Chi cục thuế huyện C hoàn trả cho bà H số tiền 867.512.377 đồng và tiền phạt nộp chậm 16.431.999 đồng theo các nội dung kê khai thuế GTGT bà H đã thực hiện theo yêu cầu kê khai của Chi cục thuế huyện C và đóng tiền theo các biên lai số 9069885, 9035288, 9407334 và lãi suất từ thời điểm ngày 25/4/2014 để bà H nộp số tiền thuế còn nợ chi cục thuế huyện C.

Theo Luật Quản lý thuế số: 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, thì người nộp thuế có hành vi chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định thì phải nộp đủ tiền thuế và bị tính tiền chậm nộp theo quy định. Trong quá trình khai thuế bà Cao Thị H đã tự điều chỉnh hồ sơ khai thuế liên quan đến các hóa đơn của Công ty P. Do đó, việc yêu cầu trả số tiền thuế và tiền chậm nộp là không có cơ sở, nên Chi cục thuế huyện C không đồng ý yêu cầu trên của bà H.

+ Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk - Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Công Tùng trình bày:

Ngày 20/12/2016 Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk nhận được đơn khiếu nại đề ngày 15/12/2016 của bà Cao Thị H. Nội dung khiếu nại Quyết định số: 225/QĐ-CCT của Chi cục Thuế huyện C, nội dung về việc giải quyết các khiếu nại lần đầu “Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Cao Thị H”

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Cục Thuế đã có quyết định thụ lý đơn khiếu nại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số: 312/QĐ-CT ngày 28/3/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị H (Lần 2)

“Không chấp nhận khiếu nại của bà H”. Bởi lẽ, Chi cục Thuế thành phố B1 ban hành Thông báo số: 231/TB-CCT ngày 02/02/2013 của Chi cục thuế thành phố B1 về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh mang theo hóa đơn, về hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Trong đó có các số hóa đơn bà H kê khai với Chi cục Thuế huyện C trong kỳ thuế tháng 01/2013 bà H vẫn thanh toán tiền cho Công ty P, tài khoản mà bà H thanh toán cho P không phải là tài khoản được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán. Việc chuyển tiền thực hiện sau khi Công ty P đã bỏ địa chỉ kinh doanh; Căn cứ vào tình hình nợ thuế của hộ Cao Thị H, kết quả làm việc giữa bà H và Chi cục Thuế huyện C, căn cứ vào biên bản đối chiếu nợ thuế giữa bà H và Công ty Cà phê Hà Lan, ngày 13/01/2014. Chi cục Thuế ban hành Quyết định số: 05/QĐ-CCT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ. Theo đó, áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng hình thức thu tiền đối với hộ kinh doanh Cao Thị H, số tiền 946.381.490 đồng, do Công ty TNHH Cà phê H nắm giữ.

Ngày 03/7/2015 Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 1262/QĐ-CT về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước, hoàn cho Công ty Cà phê H. Trong đó có phần bù trừ với các khoản phải nộp ngân sách nhà nước: Bù trừ khoản phải nộp NSNN cho hộ kinh doanh Cao Thị H, số tiền 946.381.490 đồng. Trong quá trình quản lý thu thuế của Chi cục Thuế huyện C đối với hộ kinh doanh Cao Thị H; Chi cục Thuế chưa có lần nào tạm dừng khấu trừ thuế dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp đối với hộ kinh doanh Cao Thị H.

Từ diễn biến của vụ việc, căn cứ pháp lý đã viện dẫn Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk khẳng định việc Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 312/QĐ-CT của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị H (Lần 2) đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính thì Quyết định số: 312/QĐ-CT ngày 28/3/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị H (Lần 2). Theo khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện bà H đã hết. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà H.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Cà Phê H - Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Đan Q trình bày:***

Tháng 7/2013, Công ty TNHH Cà Phê H (Công ty H) có phát sinh mua giao dịch mua cà phê của hộ kinh doanh Cao Thị H qua 07 hợp đồng mua bán với tổng số tiền là 18.927.729.800 đồng. Hộ kinh doanh Cao Thị H có xuất hóa đơn mua bán cho Công ty H tương ứng với 07 hợp đồng mua bán sơ ri 60AP/11P có số 94161 ngày 16/7/2013, 94165 ngày 23/7/2013, 94166 ngày 25/7/2013, 94167 ngày 26/7/2013, 94168 ngày 28/7/2013, 94169 ngày 29/7/2013, 94170 ngày 31/7/2013, có tổng số tiền là 946.381.490 đồng.

Tháng 8/2013, Công ty H gửi hồ sơ hoàn thuế đến Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, nhưng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk quyết định tạm dừng hoàn thuế các hóa đơn trên của hộ kinh doanh Cao Thị H chờ kiểm tra vì các hóa đơn có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế. Do đó, Công ty H chưa thanh toán được các hợp đồng trên, vì cơ quan thuế chưa chấp nhận.

Tháng 12/2013, Công ty H nhận được Quyết định số 324/QĐ- CCT ngày 12/12/2013 của Chi cục Thuế huyện C về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ. Đến tháng 7/2015, theo quyết định của Đoàn thanh tra Cục thuế số 1550/KLTT-CT ngày 03/7/2015 về việc Thanh tra thuế tại Công ty H có nội dung: Hoàn thuế đầu vào đối với các hóa đơn Công ty H mua hàng của hộ Cao Thị H, số tiền cơ quan thuế còn tạm dừng khấu trừ là 946.381.490 đồng. Đối với số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn trên sẽ bù trừ với số tiền thuế Hộ Cao Thị H còn nợ Chi cục Thuế huyện C, theo công văn số 45/CCT-QLN ngày 07/04/2015 của Chi cục Thuế huyện C. Đồng thời Công ty H nhận được quyết định số 1262/QĐ-CT ngày 03/7/2015 của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước. Sau khi nhận các quyết định trên thì phía Công ty đã thông báo cho hộ kinh doanh bà Cao Thị H biết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 6; khoản 4, 7, 8 Điều 7; Điều 9; điểm a khoản 2 Điều 12; Khoản 1, Điều 92 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Khoản 26, Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Khoản 7, Điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; Điều 20 Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Cao Thị H:

- Hủy Thông báo số 86/TB-CCT ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chi cục thuế huyện C.

- Hủy thông báo giải quyết khiếu nại số 293/TB-CCT ngày 10/10/2016 của Chi cục thuế huyện C.

- Hủy một phần quyết định khiếu nại số 225/QĐ- CCT ngày 29/11/2016 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện C và hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 312/QĐ-CT của Cục Trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk. Đối với phần liên quan đến giải quyết khiếu nại thông báo số 86/TB-CCT ngày 26/02/2013

- Buộc Chi cục thuế huyện C thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT cho bà Cao Thị H liên quan đến các hóa đơn NG/12P số 0000651 ngày 12/01/2013; NG/12P số: 0000654 ngày 13/01/2013; NG/12P số: 0000655 ngày 14/01/2013; NG/12P số: 0000656 ngày 15/01/2013 đã mua bán với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.

- Buộc Chi cục thuế huyện C hoàn trả cho bà Cao Thị H số tiền 867.512.377 đồng và tiền phạt nộp chậm 16.931.999 đồng.

Ngày 13/12/2018, Chi cục thuế huyện C kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do:

- Khiếu nại của bà Cao Thị H đối với thông báo số: 86/TB- CCT ngày 26/02/2013 của Chi cục thuế huyện C đã hết thời hiệu khiếu nại và tính đến nay là đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính.

- Thông báo số 231/TB-CCT về việc Công ty TNHH MTV P không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế và các số hóa đơn bà H kê khai với Chi cục Thuế huyện C trong kỳ tính thuế tháng 01/2013 không còn giá trị sử dụng. Bà Cao Thị H thực hiện ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TNHH MTV Công ty P thì của Công ty TNHH MTV Công ty P không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký. Nên không đủ điều kiện để khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Trong quá trình quản lý thu thuế của Chi cục Thuế huyện C đối với hộ kinh doanh Cao Thị H; Chi cục Thuế chưa có lần nào tạm dừng khấu trừ thuế dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp đối với hộ kinh doanh Cao Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cao Thị H không rút đơn khởi kiện và Chi cục thuế huyện C giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đúng quy định của pháp luật, do đó, đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo của Chi cục thuế huyện C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty TNHH cà phê H vắng mặt lần thứ nhất. Tuy nhiên, Công ty TNHH cà phê H không có liên quan đến nội dung kháng cáo của Chi cục thuế huyện C, Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, HĐXX cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Cao Thị H khai nhận được thông báo số 86/TB-

CCT vào ngày 26/02/2013 của Chi cục thuế huyện C. Như vậy, bà H đã biết được thông báo vào tháng 3/2013 nhưng đến ngày 08/9/2014 bà H mới khiếu nại. Cho nên, Chi cục thuế huyện C không giải quyết đơn khiếu nại của bà Cao Thị H do hết thời hiệu khiếu nại là đúng quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại tố cáo số 02/2011/H13 ngày 11/11/2011.

Tuy nhiên, vào ngày 19/10/2016 bà H lại tiếp tục khiếu nại, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện C đã ban hành Quyết định số 225/QĐ-CCT ngày 29/11/2016 và Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 312/QĐ-CT ngày 28/3/2017; trong 02 Quyết định giải quyết khiếu nại đều có nội dung giải quyết việc Chi cục thuế huyện C buộc hộ kinh doanh Cao Thị H kê khai lại hồ sơ thuế theo thông báo số 86/TB-CCT ngày 26/02/2013: *“Thông báo số 86/TB-CCT ngày 26/02/2013 của Chi cục thuế huyện C về việc không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là đúng quy định của pháp luật”*. Vì vậy, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện C và Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết khiếu nại của bà H đối với thông báo số 86/TB- CCT của Chi cục thuế huyện C vào ngày 28/3/2017 và đến ngày 24/7/2017 bà H khởi kiện vụ án hành chính là còn thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Đồng thời, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với thông báo số 86/TB- CCT ngày 26/02/2013 là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Tháng 01/2013, bà Cao Thị H mua cà phê của Công ty P và được Công ty P xuất 04 hóa đơn thuế GTGT: số 0000651 ngày 12/01/2013; 0000654 ngày 13/01/2013; 0000655 ngày 14/01/2013; 0000656 ngày 15/01/2013.

Theo lời khai của bà H cũng như lời trình bày của Chi cục thuế huyện C và Cục thuế tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 225/QĐ-CCT ngày 29/11/2016 và Quyết định số 312/QĐ-CT ngày 28/3/2017 cho thấy bà H đã tiến hành kê khai khấu trừ thuế GTGT của 04 hóa đơn GTGT nêu trên vào ngày 19/02/2013 (kỳ tính thuế tháng 01/2013) và đến ngày 25 và 26/02/2013, bà H chuyển trả toàn bộ số tiền mua hàng cho Công ty TNHH MTV P bằng ủy nhiệm chi tại Ngân hàng TMCP ngoại thương- Chi nhánh Đắk Lắk (Giấy nộp tiền vào tài khoản hộ kinh doanh cá thể Cao Thị H số 0231000570621 tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đắk Lắk ngày 25/02/2013: 3,5 tỷ, ngày 25/02/2013: 3,5 tỷ, ngày 25/02/2013: 3 tỷ, ngày 26/02/2013: 3 tỷ, ngày 26/02/2013: 2,218 tỷ, ngày 26/02/2013: 3 tỷ. Ủy nhiệm chi từ tài khoản hộ kinh doanh cá thể Cao Thị H số 0231000570621 tại NH Vietcombank Đắk Lắk vào tài khoản Công ty TNHH MTV P số 0231000566966 tại NH Vietcombank Đắk Lắk ngày 25/02/2013: 3 tỷ, ngày 25/02/2013: 3,5 tỷ, ngày 25/02/2013: 3,5 tỷ, ngày 26/02/2013: 2,218 tỷ, ngày 26/02/2013: 3 tỷ, ngày 26/02/2013: 3 tỷ). Bên cạnh đó, thể hiện tại hồ sơ vụ án thì việc mua bán cà phê giữa bà Cao Thị H với Công ty P có hợp đồng mua bán và sau khi mua cà phê của Công ty P thì bà Cao Thị H bán lại cho Công ty TNHH cà phê H; theo Kết luận thanh tra thuế tại Công ty TNHH cà phê H số 1550/KLTT-CT ngày 03/7/2015 của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk

thì việc mua bán hàng hóa (có mua của của hộ kinh doanh bà Cao Thị H) tại Công ty TNHH cà phê H là đúng quy trình, thủ tục, hình thức thanh toán và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, có cơ sở xác định việc mua bán cà phê giữa bà Cao Thị H với Công ty P; việc Công ty P xuất hóa đơn GTGT cho bà Cao Thị H là có thật, đúng quy định và bà H đã kê khai khấu trừ thuế GTGT vào ngày 19/02/2013. Cho nên, căn cứ hướng dẫn tại điểm 2 của công văn số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài Chính thì hộ kinh doanh của bà Cao Thị H được khấu trừ, hoàn thuế Giá trị gia tăng của 04 hóa đơn hóa đơn NG/12P số 0000651 ngày 12/01/2013; NG/12P số: 0000654 ngày 13/01/2013; NG/12P số: 0000655 ngày 14/01/2013; NG/12P số:0000656 ngày 15/01/2013 đã mua bán với Công ty P như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ.

[4] Việc Chi cục thuế huyện C và Cục thuế tỉnh Đắk Lắk cho rằng các số hóa đơn bà H kê khai với Chi cục Thuế huyện C trong kỳ tính thuế tháng 01/2013 vào ngày 19/02/2013 là hết giá trị sử dụng. Bà Cao Thị H thực hiện ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TNHH MTV Công ty P thì của Công ty TNHH MTV Công ty P không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký. Nên không đủ điều kiện để khấu trừ thuế GTGT đầu vào là không đúng quy định; vì lẽ:

Bà H khai không biết được Thông báo số 231/TB-CCT ngày 02/02/2013 của Chi cục Thuế Thành phố B1 và cũng không có chứng cứ để chứng minh việc bà H đã nhận được thông báo này; thời điểm bà H chuyển tiền cho Công ty P là ngày ngày 25 và 26/02/2013 là trước khi bà H nhận được Thông báo số 86/TB-CCT ngày 26/02/2013 của Chi cục thuế huyện C. Mặt khác, theo thông báo số 231/TB-CCT ngày 02/02/2013 của Chi cục thuế thành phố B1 thì ngày 31/01/2013 Công ty P mới không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế. Như vậy, thời điểm hóa đơn do Công ty P phát hành vào các ngày 12, 13, 14 và 15 tháng 01 năm 2013 là trước ngày 31/01/2013 và trước ngày có thông báo nên theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng cung ứng dịch vụ: *“Hóa đơn hết giá trị sử dụng là hóa đơn đã làm thủ tục phát hành, nhưng tổ chức, cá nhân phát hành thông báo không tiếp tục sử dụng nữa. Các loại hóa đơn bị mất sau khi đã thông báo được tổ chức, cá nhân phát hành báo mất với cơ quan thuế quản lý trực tiếp; hóa đơn các tổ chức, cá nhân đã ngưng sử dụng mã thuế”* thì 04 hóa đơn GTGT do Công ty P phát hành vào các ngày 12, 13, 14 và 15 tháng 01 năm 2013 không phải là hóa đơn hết giá trị sử dụng và căn cứ vào Điều 20 Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài Chính về hóa đơn bất hợp pháp:

“Điều 20. Sử dụng hoá đơn bất hợp pháp

Sử dụng hóa đơn bất hợp pháp là việc sử dụng hóa đơn giả, hóa đơn chưa có giá trị sử dụng, hết giá trị sử dụng.” Cũng như căn cứ điểm a khoản 2 Điều 15 Thông tư số 06/2012/TT- BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày

08/12/2008 và Nghị định số 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định:

“Điều 15. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

a) Chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như séc, uỷ nhiệm chi hoặc lệnh chi, uỷ nhiệm thu, thẻ ngân hàng, sim điện thoại (ví điện tử) và các hình thức thanh toán khác theo quy định...”

Như vậy, căn cứ các quy định trên của Chính Phủ và Bộ Tài Chính thì 04 hóa đơn GTGT do Công ty P phát hành vào các ngày 12, 13, 14 và 15 tháng 01 năm 2013 không phải là các hóa đơn bất hợp pháp và 04 hóa đơn này đủ điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

[5] Với các nhận định nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Chi cục thuế huyện C.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Chi cục thuế huyện C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Chi cục thuế huyện C và giữ y bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HCST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 2 Điều 6; khoản 4, 7, 8 Điều 7; Điều 9; điểm a khoản 2 Điều 12; Khoản 1, Điều 92 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Khoản 26, Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Khoản 7, Điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; Điều 20 Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định; xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Cao Thị H:

- Hủy Thông báo số 86/TB-CCT ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chi cục thuế huyện C. :

- Hủy một phần thông báo giải quyết khiếu nại số 293/TB-CCT ngày 10/10/2016 của Chi cục thuế huyện C đối với phần liên quan đến giải quyết khiếu nại thông báo số 86/TB-CCT ngày 26/02/2013.

- Hủy một phần quyết định khiếu nại số 225/QĐ- CCT ngày 29/11/2016 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện C và hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 312/QĐ-CT của Cục Trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đối với phần liên quan đến giải

quyết khiếu nại thông báo số 86/TB-CCT ngày 26/02/2013.

- Buộc Chi cục thuế huyện C thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT cho bà Cao Thị H đối với các hóa đơn NG/12P số 0000651 ngày 12/01/2013; NG/12P số: 0000654 ngày 13/01/2013; NG/12P số: 0000655 ngày 14/01/2013; NG/12P số:0000656 ngày 15/01/2013 đã mua bán với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.

- Buộc Chi cục thuế huyện C hoàn trả cho bà Cao Thị H số tiền 867.512.377 đồng và tiền phạt nộp chậm 16.931.999 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Chi cục thuế huyện C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 012708 ngày 29/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng(1);
- TAND tỉnh Đắk Lắk (1);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk (1);
- Những người tham gia tố tụng (6);
- Lưu hồ sơ (1), án văn (1), văn phòng (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh